

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đăng Khoa

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dón - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5020/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5245/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị T; cư trú tại: Thôn 02, xã H, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh PG; cư trú tại: 102-502 Ho Moa Apt 40, Munsan-ro, Buk-gu, Gwangju, Korea. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2019 và bản tự khai nguyên đơn chị Đàm Thị T trình bày:* Tháng 5/2015, chị T được một người bạn giới thiệu làm quen với anh PG. Ngày 25/5/2015, chị T và anh PG ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng theo Giấy xác nhận số 1125/STP-XN ngày 25/5/2015.

Tháng 8/2015, chị T sang Hàn Quốc sống cùng với anh PG tại địa chỉ 102-502 Ho Moa Apt 40, Munsan-ro, Buk-gu, Gwangju, Korea. Ngày 10/7/2016, chị T và anh PG sinh được cháu Park Minsu. Sau một thời gian chung sống, chị T với anh PG phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa. Hơn nữa, chị T bị

gia đình nhà chồng ngược đãi khi mang thai cháu thứ hai, mẹ chồng chị T yêu cầu phá thai chị T không đồng ý. Ngày 27/02/2017, do không chịu được cảnh áp bức của gia đình nhà chồng nên chị T đã về Việt Nam. Ngày 12/6/2017, chị T sinh cháu cháu thứ hai là Đàm T Phương tại Việt Nam.

Từ khi về Việt Nam tới nay, chị T và anh PG không liên lạc với nhau. Chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh PG. Do vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh PG và được nuôi con chung là cháu Đàm TP, sinh ngày 12/6/2017. Chị T đồng ý cho anh PG nuôi con chung là cháu Park M, sinh ngày 10/7/2016. Chị T không yêu cầu anh PG cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh PG không có ý kiến và cũng vắng mặt tại các phiên họp.

Tại phiên tòa, chủ tọa công bố đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Đàm Thị T.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Đàm Thị T được ly hôn với anh PG và được quyền nuôi con chung Đàm TP, sinh ngày 12/6/2017. Anh PG được quyền nuôi con chung Park Minsu, sinh ngày 10/7/2016. Nguyên đơn chị Đàm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Đàm Thị T và anh PG được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng;

[1]. Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đàm Thị T cư trú tại thôn 02, xã H, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Bị đơn anh PG hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Căn cứ khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đàm Thị T yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3]. Xét sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh PG tại Hàn Quốc nhưng anh PG không có lời khai, vắng mặt tại các phiên họp và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn chị Đàm Thị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3, 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung;

[4]. Xét quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh PG kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Ngày 25/5/2015, Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng xác nhận ghi vào sổ việc hộ tịch đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Căn cứ Điều 55, 56, 57 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về Đăng ký và Quản lý hộ tịch; Điều 8, 9, 122, 126 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị T và anh PG phát sinh mâu thuẫn do những bất đồng văn hóa, ngôn ngữ và quan điểm sống. Ngày 27/02/2017, do không chịu được áp bức của gia đình nhà chồng và của anh PG nên chị T đã trốn về Việt Nam và không liên lạc với anh PG. Hơn nữa, chị T không còn tình cảm với anh PG. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh PG đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị T được ly hôn với anh PG.

[5]. Xét yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh PG có hai con chung; cháu thứ nhất tên là Park M, sinh ngày 10/7/2016 và cháu thứ hai tên là Đàm T P, sinh ngày 12/6/2017. Cháu Park M hiện đang sinh sống với anh PG tại Hàn Quốc, cháu Đàm T P đang sinh sống với chị T tại Việt Nam. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đàm T P và đồng ý cho anh PG nuôi dưỡng cháu Park M. Tòa án xét xét thấy; hiện tại cháu P còn nhỏ và đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T có yêu cầu được nuôi cháu P. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị T. Đối với cháu Park M hiện đang sinh sống với anh PG tại Hàn Quốc và chị T cũng đồng ý cho anh PG được nuôi dưỡng cháu nên có cơ sở để chấp nhận ý chí tự nguyện của chị T. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung; chị T không yêu cầu anh PG hải cấp dưỡng nuôi con chung và anh PG không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét về vấn đề cấp dưỡng.

[6]. Về tài sản chung: Chị Đàm Thị T và anh PG không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7]. Về án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Đàm Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 37, 40, 153, 227, 228, 273, 477, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 56, 57 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về Đăng ký và Quản lý hộ tịch;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 55, 122, 126, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đàm Thị T ly hôn anh PG.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Đàm T P, sinh ngày 12/6/2017 cho chị Đàm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Park M, sinh ngày 10/7/2016 cho anh PG trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0001726, ngày 26/3/2019 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đàm Thị T phải chịu các chi phí ủy thác tư pháp và đã nộp đủ theo các Biên lai số 0001749, ngày 08/4/2019 và Biên lai số 0008330, ngày 31/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh PG được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dương**

